

VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở VIỆT NAM THỜI KỲ HỘI NHẬP

• HOÀNG THÚY PHƯƠNG

Khoa Tài chính Ngân hàng và Bảo hiểm
Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

TÓM TẮT:

Bài viết phân tích vai trò quan trọng của doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNVVN) trong phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Trên cơ sở làm rõ khái niệm và đặc điểm của DNVVN, bài viết chỉ ra những đóng góp nổi bật của khu vực này đối với tăng trưởng GDP, tạo việc làm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế địa phương. Đồng thời, bài viết cũng đề cập đến những cơ hội và thách thức mà DNVVN đang đối mặt khi tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và các hiệp định thương mại tự do. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển bền vững cho DNVVN trong thời kỳ hội nhập.

Từ khóa: doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển kinh tế.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới không chỉ mang lại cơ hội mà còn đặt ra áp lực cạnh tranh lớn đối với DNVVN. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng nâng cao năng lực quản trị, đổi mới công nghệ và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

Trong quá trình hội nhập, DNVVN cũng phải đối mặt với nhiều thách thức như hạn chế về vốn, công nghệ, năng suất lao động, khả năng tiếp cận thị trường và năng lực quản trị. Việc tham gia vào các hiệp định thương mại tự do (FTA) và chuỗi giá trị toàn cầu đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với DNVVN trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới mô hình kinh doanh và phát triển bền vững.

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, chủ yếu dựa trên việc thu thập, tổng hợp và phân tích các tài liệu thứ cấp từ các báo cáo, số liệu thống kê và các công trình nghiên cứu liên quan đến DNVVN trong bối cảnh hội nhập. Trên cơ sở đó, tác giả tiến hành phân tích, so sánh và đánh giá nhằm làm rõ vai trò cũng như đề xuất các giải pháp phù hợp.

2. Tổng quan và khoảng trống nghiên cứu

Thời gian qua, vai trò của DNVVN trong phát triển kinh tế đã được nhiều tổ chức và học giả nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Các nghiên cứu của World Bank, OECD hay các báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ yếu tập trung phân tích đóng góp của DNVVN đối với tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và thúc đẩy đổi mới

sáng tạo. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu trong nước cũng đã đề cập đến tác động của các hiệp định thương mại tự do (FTA) đối với khu vực doanh nghiệp này.

Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện nay chủ yếu mang tính tổng hợp và mô tả chung, chưa làm rõ sự khác biệt về vai trò của DNVVN trong bối cảnh hội nhập theo các góc độ cụ thể như: mức độ tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, khả năng chuyển đổi số hay sự khác biệt giữa các nhóm ngành và khu vực kinh tế.

Từ đó cho thấy, vẫn tồn tại khoảng trống nghiên cứu trong việc phân tích vai trò của DNVVN gắn với bối cảnh hội nhập sâu rộng và chuyển đổi số tại Việt Nam hiện nay.

Trên cơ sở đó, bài viết tập trung làm rõ vai trò của DNVVN trong phát triển kinh tế Việt Nam không chỉ ở khía cạnh truyền thống mà còn tiếp cận theo hướng gắn với hội nhập quốc tế và xu hướng chuyển đổi số, qua đó góp phần bổ sung góc nhìn cập nhật và thực tiễn hơn cho các nghiên cứu hiện có. Do đó, bài viết có đóng góp ở việc phân tích vai trò của DNVVN trong mối liên hệ với hội nhập kinh tế quốc tế và chuyển đổi số, qua đó bổ sung góc nhìn cập nhật và thực tiễn cho các nghiên cứu hiện có.

3. Khái niệm chung

3.1. Khái niệm về phát triển kinh tế

Phát triển kinh tế được hiểu là quá trình tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự cải thiện về cơ cấu kinh tế, mức sống và chất lượng đời sống của

người dân. Theo Michael Todaro & Smith (2020), phát triển kinh tế không chỉ phản ánh sự gia tăng GDP mà còn bao gồm các yếu tố như nâng cao phúc lợi xã hội và giảm bất bình đẳng. Trong bối cảnh hội nhập, phát triển kinh tế còn gắn với khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

3.2. Khái niệm về doanh nghiệp vừa và nhỏ

Theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, DNVVN được phân loại dựa trên các tiêu chí cơ bản gồm số lao động tham gia bảo hiểm xã hội, doanh thu và nguồn vốn. Việc phân loại này được áp dụng khác nhau tùy theo lĩnh vực hoạt động như nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ. (Bảng 1)

Từ Bảng 1 cho thấy, tiêu chí phân loại DNVVN tại Việt Nam được xây dựng tương đối cụ thể và linh hoạt theo từng lĩnh vực hoạt động. Trong đó, các doanh nghiệp siêu nhỏ chiếm số lượng lớn với quy mô lao động và nguồn lực hạn chế, trong khi doanh nghiệp nhỏ và vừa có mức độ mở rộng hơn về vốn và doanh thu. Việc phân loại này không chỉ giúp cơ quan quản lý nhà nước xây dựng chính sách hỗ trợ phù hợp mà còn là cơ sở để đánh giá năng lực, mức độ phát triển và khả năng tham gia thị trường của từng nhóm doanh nghiệp trong nền kinh tế.

4. Vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phát triển kinh tế Việt Nam thời kỳ hội nhập

4.1. Đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và GDP

DNVVN là lực lượng nòng cốt trong nền

Bảng 1. Các tiêu chí về lao động, doanh thu và nguồn vốn đối với DNVVN

Loại hình DN	Lĩnh vực	Lao động (người)	Doanh thu (tỷ VNĐ)	Nguồn vốn (tỷ VNĐ)
Siêu nhỏ	Nông nghiệp, công nghiệp, Xây dựng	≤10	≤3	≤3
	Thương mại, Dịch vụ	≤10	≤10	≤3
Nhỏ	Nông nghiệp, công nghiệp, Xây dựng	10-100	3-50	3-20
	Thương mại, Dịch vụ	10-50	10-100	3-50
Vừa	Nông nghiệp, công nghiệp, Xây dựng	100-200	50-200	20-100
	Thương mại, Dịch vụ	50-100	100-300	50-100

Nguồn: Tổng hợp từ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP

kinh tế Việt Nam, đóng góp khoảng 45% GDP và chiếm hơn 30% tổng giá trị xuất khẩu của cả nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023). Nhờ vào quy mô linh hoạt và khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thị trường, các DNVVN tạo ra động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

Trong thời kỳ hội nhập, các hiệp định thương mại tự do (FTA) như CPTPP, EVFTA đã mở ra cơ hội cho DNVVN tiếp cận thị trường quốc tế, gia tăng kim ngạch xuất khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, điều này cũng đòi hỏi doanh nghiệp phải cải thiện năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Điều này cho thấy khu vực DNVVN giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì tăng trưởng kinh tế và ổn định nền kinh tế vĩ mô. So với các quốc gia trong khu vực ASEAN, tỷ lệ đóng góp này ở mức tương đối cao, cho thấy DNVVN là trụ cột quan trọng của nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, giá trị gia tăng tạo ra vẫn còn thấp do hạn chế về công nghệ và năng suất lao động, phản ánh dư địa lớn để nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực này trong thời gian tới.

4.2. Tạo việc làm và ổn định xã hội

Theo Tổng cục Thống kê (2025), DNVVN tạo ra hơn 60% việc làm trong nền kinh tế, đặc biệt trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến và dịch vụ. Với lợi thế về quy mô nhỏ, DNVVN có khả năng thu hút lao động phổ thông, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp và nâng cao mức sống của người dân, đặc biệt tại các vùng nông thôn và khu vực có thu nhập thấp.

Sự phát triển của DNVVN cũng giúp tăng cường khả năng tự chủ của người lao động, khuyến khích tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, góp phần ổn định xã hội và phát triển cộng đồng bền vững. Điều này cho thấy DNVVN không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an sinh xã hội.

4.3. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi công nghệ

Mặc dù có quy mô nhỏ, DNVVN là động lực chính thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong nền kinh

tế. Các doanh nghiệp này thường có xu hướng thử nghiệm mô hình kinh doanh mới, ứng dụng công nghệ hiện đại và cải tiến sản phẩm để đáp ứng nhu cầu thị trường.

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, nhiều DNVVN đã tích cực ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất, kinh doanh như thương mại điện tử, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và tối ưu hóa chi phí. Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn đóng góp vào sự chuyển đổi số của nền kinh tế Việt Nam. Qua đó khẳng định DNVVN là lực lượng quan trọng trong thúc đẩy đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ trong nền kinh tế.

4.4. Góp phần phát triển kinh tế địa phương

DNVVN đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế địa phương, đặc biệt là tại các vùng nông thôn và khu vực đang phát triển. Việc hình thành và phát triển các doanh nghiệp này giúp tạo ra chuỗi cung ứng nội địa, tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có, tạo việc làm cho lao động địa phương và cải thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, sự phát triển của DNVVN còn giúp giảm sự phụ thuộc vào khu vực doanh nghiệp FDI, tăng cường khả năng tự chủ của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập. Điều này góp phần tăng cường sự phát triển cân bằng giữa các vùng và nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế.

4.5. Tăng cường sự tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu

Hội nhập kinh tế quốc tế mang lại nhiều cơ hội cho DNVVN mở rộng thị trường và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Các doanh nghiệp này có thể trở thành nhà cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện hoặc dịch vụ hỗ trợ cho các tập đoàn đa quốc gia, từ đó gia tăng giá trị sản xuất trong nước và thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp phụ trợ.

Tuy nhiên, để tận dụng được cơ hội này, DNVVN cần nâng cao năng lực quản trị, cải tiến công nghệ, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng sản phẩm, lao động và môi trường. Điều này cho thấy việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu

là cơ hội quan trọng để DNVVN nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh.

4.6. Hỗ trợ sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp

DNVVN không chỉ đóng vai trò là các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh mà còn góp phần thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp tại Việt Nam. Với sự hỗ trợ từ các chương trình quốc gia về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, ngày càng nhiều DNVVN ra đời, tập trung vào các lĩnh vực công nghệ, thương mại điện tử và dịch vụ sáng tạo.

Việc phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp không chỉ giúp tăng trưởng kinh tế mà còn nâng cao tính cạnh tranh và khả năng thích ứng của Việt Nam trong bối cảnh kinh tế toàn cầu thay đổi nhanh chóng.

5. Thách thức của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh hội nhập

Bên cạnh những đóng góp quan trọng, các DNVVN tại Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức mang tính hệ thống và gay gắt hơn khi bước vào sân chơi toàn cầu. Cụ thể:

- **Hạn chế về vốn và khả năng tiếp cận tài chính:** Đây là rào cản kinh điển nhưng ngày càng phức tạp khi DNVVN thiếu tài sản đảm bảo và năng lực tài chính chưa minh bạch. Việc khó tiếp cận các nguồn vốn tín dụng với lãi suất ưu đãi khiến doanh nghiệp mất đi cơ hội đầu tư vào các dự án dài hạn hoặc mở rộng quy mô sản xuất.

- **Trình độ công nghệ và năng lực chuyển đổi số còn chậm:** Phần lớn DNVVN vẫn sử dụng công nghệ lạc hậu, dẫn đến năng suất lao động và hiệu quả sản xuất chưa cao. Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, việc chậm chân trong ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) hay thương mại điện tử khiến doanh nghiệp dễ bị tụt hậu và mất khả năng cạnh tranh ngay tại thị trường nội địa.

- **Năng lực quản trị và chất lượng nguồn nhân lực:** Khả năng xây dựng chiến lược dài hạn, quản trị rủi ro và quản trị dòng tiền của đội ngũ lãnh đạo DNVVN còn yếu. Đồng thời, sự thiếu hụt lao động có kỹ năng số, ngoại ngữ và trình độ chuyên

môn cao làm hạn chế khả năng tiếp thu công nghệ mới và vận hành các mô hình kinh doanh hiện đại.

- **Áp lực từ các tiêu chuẩn quốc tế trong các FTA thế hệ mới:** Việc tham gia các hiệp định như CPTPP hay EVFTA đặt ra những yêu cầu khắt khe về quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn môi trường, an toàn lao động và bảo hộ sở hữu trí tuệ. Nhiều DNVVN vẫn lúng túng trong việc tuân thủ các quy định này, dẫn đến nguy cơ bị loại khỏi chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia.

- **Năng lực cạnh tranh và sự đứt gãy chuỗi giá trị toàn cầu:** DNVVN thường nằm ở phân khúc thấp trong chuỗi giá trị, chủ yếu là gia công với giá trị gia tăng thấp. Khi tham gia sâu vào hội nhập, doanh nghiệp dễ bị tổn thương trước các biến động của kinh tế thế giới, rào cản kỹ thuật từ các nước nhập khẩu và sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp FDI.

Thách thức lớn nhất hiện nay không chỉ là thiếu vốn hay công nghệ, mà là “tư duy hội nhập” và khả năng thích ứng với các chuẩn mực phát triển bền vững (ESG) đang trở thành điều kiện bắt buộc để xuất khẩu.

6. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp vừa và nhỏ trong bối cảnh hội nhập

Để giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNVVN) tận dụng tối đa cơ hội từ hội nhập kinh tế, phát triển bền vững và đóng góp nhiều hơn vào nền kinh tế quốc gia, cần có các giải pháp tổng thể từ phía doanh nghiệp, chính phủ và các tổ chức hỗ trợ. Dưới đây là những giải pháp trọng tâm:

Thứ nhất, cải thiện năng lực quản trị và chiến lược kinh doanh

- **Nâng cao kỹ năng quản trị:** Các DNVVN cần đầu tư vào phát triển năng lực quản trị, từ hoạch định chiến lược, quản lý tài chính đến quản trị nhân sự và rủi ro. Các chương trình đào tạo cho lãnh đạo và quản lý doanh nghiệp cần được tăng cường để nâng cao khả năng ra quyết định hiệu quả.

- **Xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn:** Thay vì chạy theo xu hướng ngắn hạn, doanh nghiệp cần có kế hoạch phát triển bền vững, tập

trung vào đổi mới sản phẩm, mở rộng thị trường và tối ưu hóa chuỗi cung ứng.

Thứ hai, tăng cường khả năng tiếp cận vốn và quản trị tài chính

- Mở rộng các kênh tài chính: Cần có cơ chế hỗ trợ DNVVN tiếp cận nguồn vốn từ ngân hàng, quỹ đầu tư mạo hiểm và các tổ chức tài chính quốc tế. Nhà nước có thể triển khai các chương trình bảo lãnh tín dụng và giảm lãi suất vay cho các doanh nghiệp có mô hình kinh doanh bền vững.

- Cải thiện năng lực quản lý tài chính: DNVVN cần nâng cao kỹ năng quản trị dòng tiền, kiểm soát chi phí và tối ưu hóa lợi nhuận. Việc áp dụng các công cụ tài chính số và phần mềm kế toán giúp doanh nghiệp minh bạch hơn trong quản lý tài chính.

Thứ ba, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Đầu tư vào công nghệ: Doanh nghiệp cần ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và blockchain để tối ưu hóa quy trình sản xuất và quản lý.

- Xây dựng chiến lược chuyển đổi số: Chính phủ và các tổ chức hỗ trợ cần cung cấp các chương trình đào tạo và hỗ trợ tài chính giúp DNVVN áp dụng công nghệ vào quản lý và kinh doanh.

- Tạo văn hóa đổi mới sáng tạo: Doanh nghiệp cần xây dựng môi trường làm việc khuyến khích sáng tạo, thử nghiệm các mô hình kinh doanh mới để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thứ tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Đào tạo và phát triển kỹ năng: DNVVN cần đầu tư vào đào tạo kỹ năng cho người lao động, đặc biệt là kỹ năng số, ngoại ngữ và kỹ năng mềm.

- Thu hút và giữ chân nhân tài: Áp dụng chính sách đãi ngộ hợp lý, tạo cơ hội thăng tiến và môi trường làm việc chuyên nghiệp để thu hút nhân lực chất lượng cao.

- Hợp tác với các trường đại học và viện nghiên cứu: Doanh nghiệp có thể liên kết với các cơ sở đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng.

Thứ năm, mở rộng thị trường và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu

- Tận dụng các hiệp định thương mại tự do (FTA): Doanh nghiệp cần nắm vững các điều khoản trong các FTA như EVFTA, CPTPP để tận dụng ưu đãi thuế quan, mở rộng xuất khẩu và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Xây dựng thương hiệu và nâng cao chất lượng sản phẩm: DNVVN cần đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D), tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, an toàn lao động và môi trường để nâng cao vị thế trên thị trường quốc tế.

- Tăng cường hợp tác quốc tế: Việc liên kết với các đối tác nước ngoài, tham gia hội chợ thương mại và các diễn đàn kinh doanh giúp doanh nghiệp mở rộng mạng lưới khách hàng và tìm kiếm cơ hội hợp tác.

Thứ sáu, hoàn thiện môi trường kinh doanh và chính sách hỗ trợ

- Cải thiện chính sách pháp lý: Chính phủ cần tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa các quy định về thuế, đầu tư và lao động để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho DNVVN.

- Tăng cường hỗ trợ từ các tổ chức: Các tổ chức như Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các quỹ hỗ trợ khởi nghiệp cần có thêm các chương trình tư vấn, hỗ trợ tài chính và đào tạo cho doanh nghiệp.

- Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp: Xây dựng các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, khu công nghiệp sáng tạo và tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận với quỹ đầu tư, nhà khoa học và chuyên gia trong nhiều lĩnh vực.

Từ các giải pháp trên, có thể thấy việc nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp, kết hợp với sự hỗ trợ từ chính sách Nhà nước, sẽ là yếu tố quyết định giúp DNVVN nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập.

Như vậy, trong bối cảnh hội nhập, DNVVN cần chủ động đổi mới mô hình kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và tận dụng các cơ hội từ thị trường quốc tế. Với sự hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức tài chính và cộng đồng doanh nghiệp, DNVVN có thể phát triển bền vững, đóng góp nhiều hơn vào nền kinh tế Việt Nam và khẳng định vị thế trong khu vực và trên thế giới■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023). Báo cáo thường niên doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam năm 2023. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2021). Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hà Nội.

Lê Anh (2024). Thách thức và cơ hội cho DNVVN Việt Nam khi tham gia các FTA thế hệ mới. Báo Công Thương. Truy cập tại <https://congthuong.vn/thach-thuc-va-co-hoi-cho-dnvvn-viet-nam-khi-tham-gia-cac-fta-the-he-moi.html>

Ngân hàng Thế giới - World Bank (2022). Báo cáo về môi trường kinh doanh tại Việt Nam và cơ hội phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Truy cập tại www.worldbank.org.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI (2023). Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và môi trường kinh doanh tại Việt Nam 2023.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Việt Nam (2023). Luật Viễn thông số 24/2023/QH15, ngày 24/11/2023 (Nguồn bổ sung cho phần hạ tầng công nghệ và chuyển đổi số).

Tổng cục Thống kê (2025). Niên giám thống kê Việt Nam 2024. Hà Nội: NXB Thống kê.

Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương - CIEM (2023). Đánh giá tác động của các hiệp định thương mại tự do đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam, Hà Nội.

OECD (2022). Enhancing SME Productivity in ASEAN: Policy Insights and Recommendations. Paris: OECD Publishing.

European Chamber of Commerce in Vietnam - EuroCham (2023). Vietnam Business Climate Index Report 2023.

Ngày nhận bài: 10/02/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/02/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 12/3/2026

THE ROLE OF SMALL AND MEDIUM-SIZED ENTERPRISES IN VIETNAM'S ECONOMIC DEVELOPMENT IN THE CONTEXT OF INTERNATIONAL INTEGRATION

● **HOANG THUY PHUONG**

Faculty of Finance, Banking and Insurance, University of Economics
Technology for Industries

ABSTRACT:

This study analyzes the important role of small and medium-sized enterprises (SMEs) in Vietnam's economic development in the context of international integration. Based on clarifying the concept and characteristics of SMEs, the study highlights their significant contributions to GDP growth, job creation, the promotion of innovation, and local economic development. At the same time, the article addresses the opportunities and challenges that SMEs face when participating in global value chains and free trade agreements. On that basis, several solutions are proposed to enhance competitiveness, promote digital transformation, and support the sustainable development of SMEs in the integration period.

Keywords: small and medium-sized enterprises; economic development.